TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/2023/QĐST-HNGĐ	*Đ B, ngày 24 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023.

- **Nguyên đơn**: anh **Trần Thế D** - sinh năm: 1988
Nơi thường trú: Thôn H H, xã N N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên

- **Bị đơn**: chị **Đinh Thị T**, sinh năm: 1988
Nơi thường trú: Thôn H H, xã N N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày14 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Trần Thế D và chị Đinh Thị T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: anh Trần Thế D và chị Đinh Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Đinh Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con Trần Đinh Thế V, sinh ngày 28/6/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu

cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3: Về tài sản:

Tài sản riêng; Tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không có.

2.4: Về án phí:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Mỗi bên đương sự phải chịu 75.000 đồng (Bẩy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng anh D tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0005258 ngày 06/7/2023 tại Chi cục THADS huyện Đ B, tỉnh Điện Biên anh D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ B;
- UBND xã N N, huyện Đ B (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện Đ B;
- Kế toán (để biết);
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Ích Rồng